

Số: 13 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy định một số nội dung và mức hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 1538/TTr-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2024, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn: 77.197 triệu đồng (Bảy mươi bảy tỷ, một trăm chín mươi bảy triệu đồng).

(Chi tiết tại các phụ lục 01, 02, 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục 01:
PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ SỰ NGHIỆP TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024
(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
	TỔNG A+B		77.197	
A	Nội dung thành phần		43.757	
I	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội		8.700	
1	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả hoạt động, từng bước hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025 theo quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022"	Sở Thông tin và Truyền thông	1.900	
1.1	<i>Kinh phí hỗ trợ mua sắm đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin cho các xã</i>		1.200	
1.2	<i>Kinh phí sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin cho các xã</i>		400	
1,3	<i>Xuất bản sách ảnh nông thôn mới Nghệ An</i>		300	
2	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	400	
3	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Nghi Thái, Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	800	
4	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Thọ Thành, Đông Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	800	
5	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Hồng Long, Nam Xuân, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	800	
6	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Hưng Trung, Châu Nhân, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	800	
7	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Diễn Thọ, Diễn Đoài, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	800	
8	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở trên địa bàn các xã Thọ Sơn, Hùng Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	800	
9	Hỗ trợ mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô cấp thôn trên địa bàn các xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	1.000	



u

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
10	Hỗ trợ mô hình xử lý nước thải sinh hoạt (ứng dụng công nghệ sinh thái) quy mô cấp thôn trên địa bàn các huyện Diễn Châu, Nghĩa Đàn	Sở Khoa học và Công nghệ	600	
II	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn		7.320	
1	Hỗ trợ chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ và Nghị quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Chi cục Phát triển nông thôn	2.970	
2	Hỗ trợ Hợp tác xã theo quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ		900	
2.1	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể và xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường	Chi cục Phát triển nông thôn	500	
2.2	Nâng cao năng lực, nhận thức cho khu vực kinh tế tập thể	Liên minh hợp tác xã tỉnh	400	
3	Hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường		2.300	
3.1	Hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	Trung tâm Hỗ trợ nông dân và giáo dục nghề nghiệp tỉnh Nghệ An	500	
3.2	Hỗ trợ nâng cao chất lượng đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	1.800	Chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo
4	Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại		1.150	
4.1	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong thực hiện mô hình chăn nuôi gà thịt theo chuỗi giá trị sản phẩm trên địa bàn huyện Yên Thành	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	350	
4.2	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong thực hiện mô hình trồng bí xanh Nova 209 áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến liên kết theo chuỗi giá trị sản phẩm bí xanh trên địa bàn xã Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	300	
4.3	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong thực hiện mô hình sản xuất rau màu theo chuỗi giá trị trên địa bàn xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	500	
III	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	Sở Văn hóa và Thể thao	3.050	
1	Hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao (thiết bị nghe nhìn, bàn ghế, khánh tiết...)	Sở Văn hoá và Thể thao	2.700	



TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
2	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm văn hoá, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hoá, khu thể thao thôn	Thư viện tỉnh	350	
IV	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới		1.500	
1	Hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	Hội Nông dân tỉnh	500	
2	Tập huấn kiến thức về khởi nghiệp và chuyển đổi số cho thanh niên	Trung tâm Hỗ trợ phát triển thanh niên tỉnh Nghệ An	250	
3	Tập huấn về công tác xây dựng nông thôn mới cho đoàn viên thanh niên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	250	
4	Hỗ trợ thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" gắn xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	500	
V	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây, truyền thông xây dựng nông thôn mới; thực hiện phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới		13.137	
1	Kinh phí quản lý chỉ đạo (Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối cấp huyện)	UBND các huyện, thành phố, thị xã (<i>Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện</i>)	1.270	<i>Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo</i>
2	Hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đánh giá thực hiện Chương trình	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	930	
2.1.	<i>Hỗ trợ kinh phí tổ chức khảo sát, thẩm tra, thẩm định các xã, thẩm tra huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; khung bằng công nhận và hoa chúc mừng các xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023</i>		200	
2.2	<i>Hỗ trợ cho các thành viên chuyên trách, thường trực và kiêm nhiệm cấp tỉnh...</i>		730	
3	Kinh phí hội nghị, làm việc với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	200	
4	Chi phí kiểm tra, thẩm tra, thẩm định cho các sở, ban, ngành cấp tỉnh		1.110	
4.1		<i>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	50	
4.2		<i>Sở Tài chính</i>	50	
4.3		<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	50	

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
4.4		Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	50	
4.5		Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	250	
4.6		Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	50	
4.7		Văn phòng Tỉnh ủy	50	
4.8		Chi cục Phát triển nông thôn	50	
4.9		Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh	30	
4.10		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	30	
4.11		Sở Nội vụ	30	
4.12		Sở Giáo dục và Đào tạo	30	
4.13		Sở Giao thông vận tải	30	
4.14		Sở Công Thương	30	
4.15		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	30	
4.16		Sở Văn hóa và Thể thao	30	
4.17		Chi cục Bảo vệ môi trường	30	
4.18		Sở Thông tin và Truyền thông	30	
4.19		Sở Y tế	30	
4.20		Sở Tư pháp	30	
4.21		Cục Thống kê	30	
4.22		Sở Xây dựng	30	
4.23		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	30	
4.24		Sở Du lịch	30	
4.25		Công an tỉnh	30	
5	Tổ chức học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	200	
6	Hội thảo "Về công tác chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 - 2025"	Trường Chính trị tỉnh	200	
7	Hỗ trợ công tác đào tạo, tập huấn cấp huyện	UBND các huyện, thành phố, thị xã (Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện)	1.400	Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
8	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp		600	
8.1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp	Sở Nội vụ	300	
8.2	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp	Trường Chính trị tỉnh	300	
9	Tập huấn về công tác xây dựng nông thôn mới cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	623	
10	Tập huấn xây dựng nông thôn mới cho các hộ đội viên thanh niên xung phong		400	
10.1		Ban Chỉ huy lực lượng thanh niên xung phong tỉnh Nghệ An	100	
10.2		Tổng đội thanh niên xung phong 8	100	
10.3		Tổng đội thanh niên xung phong 9	100	
10.4		Tổng đội thanh niên xung phong 10	100	
11	Kinh phí truyền thông		6.204	
11.1	Hỗ trợ kinh phí để truyền thông tổ chức công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023 (51 xã x 50.000.000 VNĐ/xã)	UBND các xã	2.550	Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo
11.2	Kinh phí truyền thông cấp huyện, thành phố, thị xã (mức 2 triệu đồng/xã x 411 xã)	UBND các huyện, thành phố, thị xã (Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện)	822	
11.3	Hỗ trợ kinh phí truyền thông để tổ chức lễ công bố huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới		1.000	
		UBND huyện Đô Lương	500	
		UBND huyện Diễn Châu	500	
11.4	Kinh phí vận hành trang Website nông thôn mới tỉnh (thiết kế trang Website, phụ cấp, chi trả viết bài, tin/biên tập)	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	200	
11.5	Tuyên truyền nông thôn mới năm 2024 trên Cổng thông tin điện tử tỉnh (nghean.gov) để thực hiện: nâng cấp chuyên trang, chi trả thù lao biên tập, sưu tầm cập nhật thông tin, nhuận bút, bài viết, ảnh, video...	Cổng Thông tin điện tử tỉnh	250	
11.6	Kinh phí tuyên truyền nông thôn mới năm 2024 trên trang Website Hội đồng nhân dân tỉnh (Website: dbnnghean.vn) để thực hiện: chi trả phụ cấp, nhuận bút...	Hội đồng nhân dân tỉnh	200	

U_h

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
11.7	Kinh phí làm phóng sự, tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	300	
11.8	Chuyên mục truyền thông trên báo		150	
		Báo Nghệ An	100	
		Báo Nông nghiệp Việt Nam	50	
11.9	Hỗ trợ tuyên truyền, làm việc với các báo chí, truyền hình	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	100	
11.10	Kinh phí truyền thông cho các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh		540	
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30	
		Sở Văn hóa và Thể thao	30	
		Sở Thông tin và Truyền thông	30	
		Sở Giáo dục và Đào tạo	30	
		Công an tỉnh (PV 05)	30	
		Đảng bộ khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	30	
		Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	30	
		Ban Dân vận Tỉnh ủy	30	
		Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	30	
		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	30	
		Trường Chính trị tỉnh	30	
		Hội Cựu chiến binh tỉnh	30	
		Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	30	
		Chi cục Bảo vệ môi trường	30	
		Tỉnh Đoàn Nghệ An	30	
		Hội Nông dân tỉnh	30	
		Hội Người cao tuổi tỉnh	30	
		Hội Làm vườn tỉnh	30	
11.11	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị Văn phòng phục vụ cho hoạt động của Ban chỉ đạo và cơ quan giúp việc Chương trình	Văn phòng Điều phối Chương trình nông thôn mới tỉnh	92	

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
VI	Hỗ trợ cho các huyện, thành phố, thị xã thực hiện các nội dung theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính và Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Không hỗ trợ cho các xã khó khăn Khu vực III)	UBND các huyện, thành phố, thị xã	10.050	Giao UBND cấp huyện phân bổ thực hiện trong đó ưu tiên cho các xã xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong năm kế hoạch và gửi Quyết định cho Sở Tài chính để thực hiện cấp phát nguồn theo quy định (Chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo)
B	Hỗ trợ thực hiện các nội dung chuyên đề trong xây dựng nông thôn mới		33.440	
I	Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)		3.250	
1	Hỗ trợ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)		2.000	
1.1		Chi cục Phát triển nông thôn	1.000	
1.2		UBND các huyện, thành phố, thị xã	1.000	Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo
2	Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm; hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm OCOP tỉnh Nghệ An; hỗ trợ chi phí bao bì, in tem.	Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản	800	
3	Đánh giá thực trạng, đề xuất nhiệm vụ giải pháp thực hiện Chương trình OCOP nhằm phát triển kinh tế nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 - 2030	Chi cục Phát triển nông thôn	150	
4	Hỗ trợ thực hiện Đề án "Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ xây dựng sản phẩm OCOP, quảng bá, kết nối tiêu thụ hàng hóa góp phần phát triển kinh tế địa phương giai đoạn 2023 - 2027"	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	300	
II	Hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn		4.950	
1	Tổ chức đoàn Famtrip về du lịch làng nghề tại các huyện ven biển	Sở Du Lịch	150	
2	Tổ chức tập huấn đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng	Sở Du Lịch	300	
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Nam Hưng và Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	1.000	
4	Hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Châu Bính, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	500	
5	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trong xây dựng nông thôn mới tại các huyện Yên Thành, Đô Lương	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	1.000	

Un

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
6	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trên địa bàn xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	500	
7	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại xã Tam Đình, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	500	
8	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trên địa bàn xã Chi Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	500	
9	Hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trên địa bàn xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	500	
III	Hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh		8.100	
1	Hỗ trợ thí điểm thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh trên địa bàn Thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	1.800	
2	Hỗ trợ thực hiện thí điểm mô hình quản lý, bảo vệ môi trường nông thôn hướng đến xã nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	1.800	
3	Hỗ trợ thí điểm thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh: hỗ trợ dữ liệu số hóa điểm du lịch nông thôn trên địa bàn các xã: Nam Kim, Nam Anh huyện Nam Đàn, Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh	900	
4	Hỗ trợ thực hiện thí điểm mô hình xã nông thôn mới thông minh về quản lý vùng nguyên, điều hành sản xuất giảm phát thải cho lúa trên địa bàn huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	1.800	
5	Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm xã thông minh gắn với nuôi thủy sản bền vững, quản lý chất lượng thủy sản trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	1.800	
IV	Hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan xanh sạch đẹp, an toàn; xử lý khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường		17.140	
1	Hỗ trợ thực hiện Đề án "Tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia phân loại xử lý rác thải tại nguồn và hạn chế sử dụng túi ni lông trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2027"	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	500	

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
2	Hỗ trợ thực hiện xây dựng mô hình xử lý nước và cung cấp nước sạch quy mô hộ gia đình cho cộng đồng dân cư vùng nông thôn, miền núi chưa có khả năng tiếp cận với cấp nước tập trung và khó khăn về nguồn nước trên địa bàn các huyện Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thanh Chương	Sở Khoa học và Công nghệ	540	
3	Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền tại cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp, nông thôn và vận hành công trình cấp nước và xử lý chất thải	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	300	
4	Hỗ trợ xây dựng và triển khai thí điểm mô hình cấp nước sạch trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Nghĩa Đàn	Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	2.500	
5	Hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý, tuần hoàn chất thải chăn nuôi gà trên địa bàn các huyện Diễn Châu và Nghi Lộc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.000	
6	Hỗ trợ mô hình thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp chất thải theo nguyên lý tuần hoàn trên địa bàn xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	300	
7	Hỗ trợ mô hình thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp chất thải theo nguyên lý tuần hoàn trên địa bàn xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	500	
8	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Hồng Long, Trung Phúc Cường, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	1.000	
9	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Thượng Sơn, Lam Sơn, Xuân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	1.500	
10	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Nghi Quang, Nghi Công Bắc, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	1.000	
11	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Châu Nhân, Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	1.000	
12	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Sơn Thành, Tây Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	1.000	
13	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Nghĩa Khánh, Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	1.000	
14	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	500	
15	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	500	

ch

TT	Nội dung	Trong đó		Ghi chú
		Đơn vị thực hiện	Kinh phí	
16	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Đông Hiếu, Nghĩa Mỹ, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	1.000	
17	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Kỳ Sơn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	500	
18	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn các xã Quỳnh Diễn, Quỳnh Nghĩa, Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	1.500	
19	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Quỳnh Lộc, thị xã Hoàng Mai	UBND thị xã Hoàng Mai	500	
20	Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn trên địa bàn xã Nghĩa Xuân, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	500	
V	Hỗ trợ thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự		1.975	
1	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về công tác bảo đảm an ninh trật tự phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vận động tập trung, vận động cá biệt, pa nô, áp phích, băng rôn khẩu hiệu ...)	Công an tỉnh	500	
2	Xây dựng, củng cố, duy trì, sơ kết, tổng kết nhân rộng mô hình, điển hình về công tác bảo đảm an ninh trật tự	Công an tỉnh	900	
3	Triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	Công an tỉnh	300	
4	Tổ chức bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề về công tác đảm bảo an ninh trật tự	Công an tỉnh	275	

Phụ lục 02:

PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP MỘT SỐ NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nguyên tắc bố trí:

- Đối với Chương trình OCOP: hỗ trợ bình quân 50 triệu đồng/đơn vị cấp huyện;
- Đối với kinh phí hỗ trợ Lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu: giao Sở Tài chính căn cứ các Quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới các cấp độ năm 2023 để cấp kinh phí hỗ trợ cho các địa phương;
- Đối với các huyện, thành phố, thị xã có số xã dưới 20 xã: hỗ trợ kinh phí quản lý chỉ đạo 35 triệu đồng/huyện, kinh phí tập huấn 50 triệu đồng/huyện; huyện có số xã từ 20 - 30 xã: hỗ trợ kinh phí quản lý chỉ đạo 45 triệu đồng/huyện, kinh phí tập huấn 75 triệu đồng/huyện; huyện có trên 30 xã: hỗ trợ kinh phí quản lý chỉ đạo 55 triệu đồng/huyện, kinh phí tập huấn 100 triệu đồng/huyện;
- + Huyện, thành phố, thị xã có xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu: hỗ trợ thêm kinh phí quản lý chỉ đạo 5 triệu đồng/xã;
- + Đối với huyện Nam Đàn (chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024): hỗ trợ thêm kinh phí quản lý chỉ đạo 100 triệu đồng;
- + Đối với huyện Nghĩa Đàn (chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới năm 2024): hỗ trợ thêm kinh phí quản lý chỉ đạo 50 triệu đồng;
- Đối với nội dung hỗ trợ thực hiện theo các nội dung được quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính: hỗ trợ bình quân 30 triệu đồng/xã và không hỗ trợ cho các xã khó khăn Khu vực III (76 xã): giao Sở Tài chính căn cứ Quyết định phân bổ chi tiết của các địa phương để giao kinh phí thực hiện.

TT	Địa phương	Tổng	Hỗ trợ thực Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới			Kinh phí quản lý Chương trình			Hỗ trợ thực hiện theo các nội dung được quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
				Tổng	Truyền thông	Hỗ trợ lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu	Tổng	Kinh phí quản lý chỉ đạo (Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối cấp huyện)	Kinh phí tập huấn, đào tạo	
	Tổng	17.092	1.000	3.372	822	2.550	2.670	1.270	1.400	10.050
1	Kỳ Sơn (20 xã)	240	50	40	40	0	120	45	75	30
	Cấp huyện	240	50	40	40	0	120	45	75	30
2	Tương Dương (16 xã)	287	50	32	32	0	85	35	50	120
	Cấp huyện	287	50	32	32	0	85	35	50	120

Yh

TT	Địa phương	Tổng	Hỗ trợ thực Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới			Kinh phí quản lý Chương trình			Hỗ trợ thực hiện theo các nội dung được quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
				Tổng	Truyền thông	Hỗ trợ lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu	Tổng	Kinh phí quản lý chỉ đạo (Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối cấp huyện)	Kinh phí tập huấn, đào tạo	
3	Con Cuông (12 xã)	249	50	24	24	0	85	35	50	90
	Cấp huyện	249	50	24	24		85	35	50	90
4	Quế Phong (12 xã)	194	50	24	24	0	90	40	50	30
	Cấp huyện	194	50	24	24		90	40	50	30
5	Quỳ Châu (11 xã)	217	50	22	22	0	85	35	50	60
	Cấp huyện	217	50	22	22		85	35	50	60
6	Quỳ Hợp (20 xã)	395	50	40	40	0	125	50	75	180
	Cấp huyện	395	50	40	40		125	50	75	180
7	Nghĩa Đàn (22 xã)	924	50	44	44	0	170	95	75	660
	Cấp huyện	924	50	44	44		170	95	75	660
8	Tân Kỳ (21 xã)	852	50	42	42	0	130	55	75	630
	Cấp huyện	852	50	42	42		130	55	75	630
9	Anh Sơn (20 xã)	815	50	40	40	0	125	50	75	600
	Cấp huyện	815	50	40	40		125	50	75	600
10	Thanh Chương (37 xã)	1.374	50	74	74	0	200	100	100	1.050
	Cấp huyện	1.374	50	74	74		200	100	100	1.050
11	Quỳnh Lưu (32 xã)	1.244	50	64	64	0	170	70	100	960
	Cấp huyện	1.244	50	64	64		170	70	100	960
12	Diễn Châu (36 xã)	1.377	50	72	72	0	175	75	100	1.080
	Cấp huyện	1.377	50	72	72		175	75	100	1.080
13	Nghi Lộc (28 xã)	1.111	50	56	56	0	165	90	75	840
	Cấp huyện	1.111	50	56	56		165	90	75	840
14	Nam Đàn (18 xã)	831	50	36	36	0	205	155	50	540

Ch

TT	Địa phương	Tổng	Hỗ trợ thực Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Truyền thông về xây dựng nông thôn mới			Kinh phí quản lý Chương trình			Hỗ trợ thực hiện theo các nội dung được quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính
				Tổng	Truyền thông	Hỗ trợ lễ công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/nông thôn mới kiểu mẫu	Tổng	Kinh phí quản lý chỉ đạo (Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối cấp huyện)	Kinh phí tập huấn, đào tạo	
	Cấp huyện	831	50	36	36		205	155	50	540
15	Yên Thành (38 xã)	1.476	50	76	76	0	210	110	100	1.140
	Cấp huyện	1.476	50	76	76		210	110	100	1.140
16	Hung Nguyên (17 xã)	689	50	34	34	0	95	45	50	510
	Cấp huyện	689	50	34	34		95	45	50	510
17	Đô Lương (32 xã)	1.244	50	64	64	0	170	70	100	960
	Cấp huyện	1.244	50	64	64		170	70	100	960
18	Hoàng Mai (5 xã)	295	50	10	10	0	85	35	50	150
	Cấp huyện	295	50	10	10		85	35	50	150
19	Thái Hoà (5 xã)	295	50	10	10	0	85	35	50	150
	Cấp huyện	295	50	10	10		85	35	50	150
20	Thành phố Vinh (9 xã)	433	50	18	18	0	95	45	50	270
	Cấp huyện	433	50	18	18		95	45	50	270

26

Phụ lục 03:

**PHÂN BỐ CHI TIẾT VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG
NÔNG THÔN MỚI, NỘI DUNG CHO SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số: *13* /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đơn vị	Số người	Kinh phí
1	UBND huyện Quỳnh Lưu	70	140
2	UBND huyện Nghĩa Đàn	95	220
3	UBND huyện Hưng Nguyên	70	180
4	UBND huyện Nghi Lộc	120	250
5	UBND huyện Đô Lương	70	150
6	UBND huyện Nam Đàn	70	130
7	UBND huyện Thanh Chương	60	140
8	UBND thị xã Thái Hòa	60	130
9	UBND thị xã Hoàng Mai	70	140
10	UBND huyện Diễn Châu	70	140
11	Trung tâm Hỗ trợ nông dân và giáo dục nghề nghiệp	90	180
	Tổng cộng	845	1 800

Uk